

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1	7:25	22	0		21	0	
2		TD2+BK6	7:25	22+0	0+0		11+11	0+0	
3		RP3+RC4+TD2	7:25	17+2+3	0+0+0		12+0+7	0+0+0	
4		P4+HST+HSD	9:25	15+2+5	0+0+0		14+2+4	0+0+0	chuyen 1 hst- hsd
5		P4+P5+BK16	9:25	14+4+4	0+0+0		12+5+0	0+0+0	
6		P5+AMD	9:25	17+5	0+0		8+14	0+0	
7		TGTH1+AMD+HST	11:00	3+15+0	0+0+0		3+15+0	0+0+0	chuyen 1 amd- hst
8		T.UNG	11:00	18	0		19	0	
9		P1+P7	11:25	9+13	0+0		8+14	0+0	chuyen 1 amd- hst
10		P3+P11	11:25	19+3	0+0		16+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 người đi P1 về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P1 - P2	CREW: VThắng - N.Cường - Thành - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

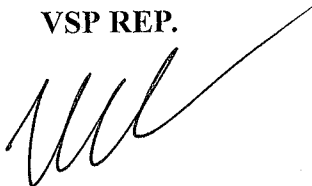
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÌNH TRUNG KIÊN	P1					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P1	60	1	4		75	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VĂN TOÀN	P1					71	D-HANH	Vietnamese
4	BABKIN A	P1	55	1	5		100	KH-THAC	Russian
5	KISELEV	P1	59	1	8		89	KH-THAC	Russian
6	VŨ XUÂN QUY	P1	57	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM CƯỜNG	P1	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẦN TRUNG CHÍNH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIẾU	P1	59	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ VINH	P1	58	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ KIÊN TRUNG	P1	56	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU DUNG	P1	60-61	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	61-62	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG ANH TUÂN	P1	62	1	7	80	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	67	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG MINH	P1	58	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẦN THỊ THUY NGÀ	P1					55	ANTOAN	Vietnamese
18	TẠ QUỐC VIỆT	P1	71-72	2	15		65	YTE	Vietnamese
19	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	63-64,54	3	18		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM ANH SƠN	P1	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THẮNG	P1	57	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

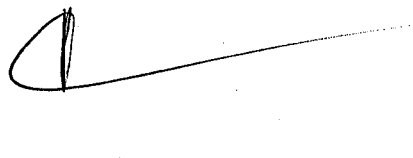
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	23	146	1.603	80	21		CG PHAN TRUNG THANH
2	P2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	146	1.603	80	22		
WEIGHT KG				146	1.603	80			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

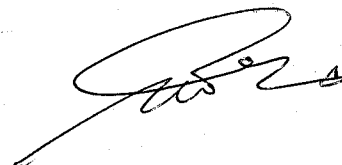
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	TO: TD2 - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	63	1	8		101	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	62	1	10		87	KHOAN	Russian
3	BUI VĂN CHINH	TD2				44	86	KHOAN	Vietnamese
4	VUÔNG ĐÌNH LIEN	TD2	74	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGOC DUNG	TD2	64	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO VĂN CUONG	TD2	78	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	76	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
8	CAO VĂN LỢI	TD2	77	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUY DUNG	TD2	73	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
10	LE THE CONG	TD2	85	1	13		73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH TUAN	TD2	69	1	17		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUONG	TD2	79-80	2	12		59	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN LIEM	TD2	72	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VINH TRA	TD2	75	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
15	QUACH VAN TOI	TD2	84	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
16	LE XUAN HAI	TD2	81-82	2	11		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIEN	TD2	83	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
18	LE XUAN THANG	TD2	70-71	2	19		82	KHOAN	Vietnamese
19	MULNIUCHKIN V. V	TD2	66	1	14		93	DVL	Russian
20	USATENKO DMITRII	TD2	65	1	11		98	DVL	Russian
21	VU VAN TRUNG	TD2	86	1	15	15	76	DVL	Vietnamese
22	PHAN ĐANG TUAN	TD2	67-68	2	14		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	25	202	1.688	59	11		
2	BK6	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	25	202	1.688	59	22		
WEIGHT KG				202	1.688	59			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	TO: RP3 - RC4 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

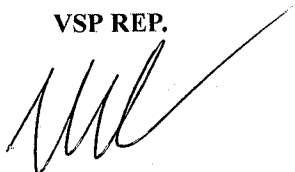
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG THỦY	RP3	83	1	4	35	72	KHOAN	Vietnamese
2	CAO ĐÌNH THÀNH	RP3	85	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN VĂN THANH	RP3	22	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NHẬT QUANG	RP3	86	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN TUYẾN	RP3					62	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP3	21	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG NGŨ	RP3	18	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ NGỌC THANH	RP3	15-16	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TĂNG GIÁP	RP3	20	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐIệp PHI	RP3					82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HẬU	RP3	84	1	3	45	74	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN LÊ KIẾN	RP3	19	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
13	NHÂM ĐỨC QUANG	RP3	82-83	2	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÔNG VĂN TOÀN	RP3	80-81	2	13		65	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGỌC TU	RP3	17	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	RP3	13	1	5		49	PSV	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN CHUYỀN	RP3	14	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	VŨ ANH TUẤN	RC4	96	1	8	20	70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG PHÚ	RC4	97	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	49	1	7		77	DVL	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	TD2	46-47	2	20		71	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ VĂN TUẤN TU	TD2	48	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

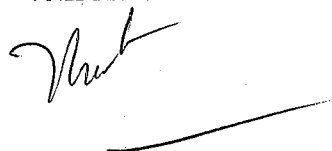
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	18	87	1.163	80	12		
2	RC4	2	2	16	145	20	0		
3	TD2	3	4	32	216	0	7		
TOTAL		22	24	135	1.524	100	19		
WEIGHT KG				135	1.524	100			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2024	TO: P4 - HST - HSD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P4	21	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	18	1	3	52	72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4	10	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	27	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	24	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUÂN	P4	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	25-26	2	5		65	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN NHAN HAI	P4	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TUÂN	P4	16	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HÀ	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG LONG	P4	19	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN	P4	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO QUANG HUÂN	HST	33	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHÀ	HST	25	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH TÙNG	HSD	48	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HSD	49	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG QUANG LỘC	HSD	46-47	2	17	15	70	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI ĐÌNH KHANG	HSD	52-53	2	13		50	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ LY KHÁNH	HSD	45	1	12		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	74	1.019	82	14		CHUYEN 1 PAX HST-HSD
2	HST	2	2	11	125	20	2 + 1		
3	HSD	5	7	57	347	35	4		
TOTAL		22	24	142	1.491	137	20		
WEIGHT KG				142	1.491	137			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	TO: P4 - P5 - BK16	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG	P4	07	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU VĂN ĐẠT	P4	01	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN BA	P4	03	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAM VĂN QUANG	P4	04	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH THĂNG	P4	06	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ TÂN DŨNG	P4	09	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG TRUNG	P4	200	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	16	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MẠNH CUÔNG	P4	08	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUANG HUY	P4	10-11	2	12		108	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SANG	P4	14-15	2	23		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUANG	P4	12-13	2	18	19	78	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ PHƯƠNG HUY	P4	02	1	7		67	DK9	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P5	01	1	8		72	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒ THIÊN TAM	P5	02	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN BẮC	P5					78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	03	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUỐC TRIỆU	BK16	67	1	12		85	CANTI	Vietnamese
20	LÊ VĂN SƠN	BK16	70	1	10		72	CANTI	Vietnamese
21	TRẦN TRỌNG HIỆU	BK16	68-69	2	17		61	CANTI	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN HỘI	BK16	71	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	17	112	1.006	19	12		
2	P5	4	3	25	285	0	5		
3	BK16	4	5	46	291	0	0		
TOTAL		22	25	183	1.582	19	17		
WEIGHT KG				183	1.582	19			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P5 - AMD	CREW: VThắng - N.Cương - Thành - MQUAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG PHÚC	P5	52	1	2		49	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	39,43	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	P5	51	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P5	45	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH PHÚC	P5	62	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	44	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG BA VINH	P5	47	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRÍ NĂNG	P5	55	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
9	YUKHIMCHUK	P5	57	1	10		85	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN GIA CƯƠNG	P5	58	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN TÂM	P5	54	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN AN NINH	P5	56	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO VĂN THĂNG	P5	48	1	6		59	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TÌNH	P5	49-50	2	10		73	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN QUÂN (1987)	P5	53	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG TRINH	P5	46	1	4		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HUY	P5	59	1	11		62	DK9	Vietnamese
18	TRAN DAI NGHIA	AMD	71	1	5		73	HLJOC	Vietnamese
19	HỒ ANH QUỐC	AMD	69	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	70	1	2	72	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	66-67	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	68	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	17	19	140	1.146	40	8		CA: P.T.Thành
2	AMD	5	6	29	351	72	14		
TOTAL		22	25	169	1.497	112	22		
WEIGHT KG				169	1.497	112			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	TO: TGTH1 - AMD - HST	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 12:45
TRANG-2			

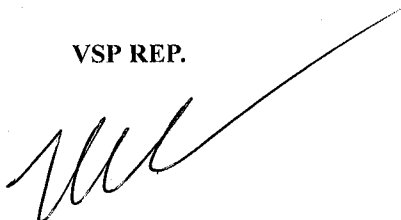
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT LÂM	TGTH1	13-14	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	99	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	01-02,86	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DAN	AMD	28	1	5	3	62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HÙNG	AMD	97-98	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	99	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ VĂN SÁU	AMD	56-57	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	58	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG THANH	AMD	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	59-60	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HÀ	AMD	26-27	2	12		86	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐOÀN ĐUẬN	AMD	25	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI BA HÙNG	AMD	23	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	30	1	4		75	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN THIÊN	AMD	96	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	31	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LAM THẮNG	AMD	32	1	5		86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

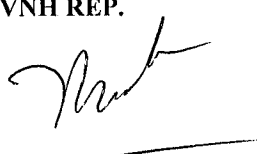
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	3	6	33	223	0	3		CHUYEN 1 PAX AMD-HST
2	AMD	15	19	112	1.045	3	15		
3	HST	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		18	25	145	1.268	3	18		
WEIGHT KG				145	1.268	3			

GRAND TOAL: 1.416 KGS

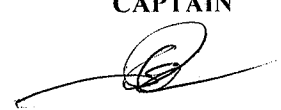
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:05
FLIGHT: 8	TO: T.UNG	CREW: MMinh - Nam	ETA: 14:15
NAU			

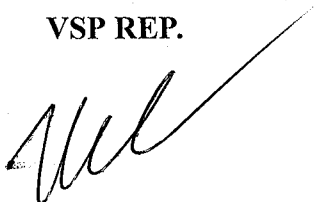
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN GIANG	T.UNG	26-27	2	17		84	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ NGỌC TUÂN	T.UNG	12	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY DUƠNG	T.UNG	30-31	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ LÊ SƠN	T.UNG	34-35	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH HẠNH	T.UNG	28-29	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG LỰC	T.UNG	24-25	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VIỆT QUANG	T.UNG	18-19	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẠNH	T.UNG	38-39	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI HỮU LỢI	T.UNG	36-37	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ LÊ HÙNG	T.UNG	32-33	2	19		53	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN DUƠNG	T.UNG	42-43	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	T.UNG	22-23	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ QUANG HÙNG	T.UNG	15	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DŨNG	T.UNG	13-14	2	18		79	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM CÔNG NGHIỆP	T.UNG	40-41	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
16	HỒ THẾ ANH	T.UNG	20-21	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	T.UNG	16-17	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

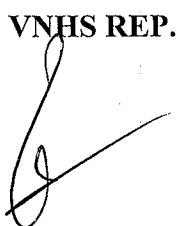
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	32	289	1.205	0	19		
	TOTAL	17	32	289	1.205	0	19		
	WEIGHT KG			289	1.205	0			

GRAND TOAL: 1.494 KGS

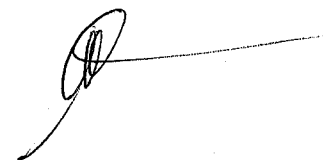
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	TO: P1 - P7	CREW: CHIẾN - XTrường - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

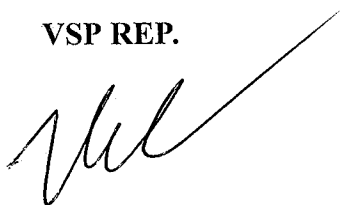
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ QUANG ANH	P1	80	1	5	20	71	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI HUY NGHIỆP	P1					76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM SỸ HIỆP	P1	79	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TOÀN	P1	77	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NAM CUƠNG	P1	75	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	P1	81	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	76	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	78	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ HỒNG HAI	P1	73-74	2	16		64	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN TRUNG	P7	89	1	9		69	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	92	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	87-88	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P7	94-95	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	83	1	5	17	87	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P7	91	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỢI	P7	93	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN MẠNH	P7	86	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN	P7	90	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7					67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	96	1	4		76	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU CÔNG SAU	P7	82	1	5		85	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	P7	84-85	2	19	75	61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	9	58	621	20	8		
2	P7	13	15	99	947	92	14		
TOTAL		22	24	157	1.568	112	22		
WEIGHT KG				157	1.568	112			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

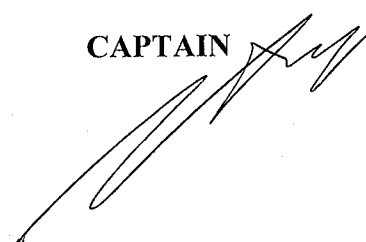
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2024	TO: P3 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHI DÂN	P3	43	1	8	15	57	YTE	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	50	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THANH	P3	51	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG HỮU HẬU	P3	46	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THE DUONG	P3	54-55	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ĐỨC HUY	P3	48-49	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	52	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN THANH	P3	47	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	41-42	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH PHONG	P3	53	1	5	15	79	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	60	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MAI	P3	45	1	8		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	P3	58-59	2	15		50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	THAI THANH NGỌC	P3	57	1	10		60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUẤN	P3	01,56	2	11		89	PSV	Vietnamese
16	MAI MINH TIEN	P3	40	1	4		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TOÀN	P3	44	1	7		95	PSV	Vietnamese
18	LƯU VĂN KHUÔNG	P3	61	1	5		75	DK9	Vietnamese
19	VŨ TIÊN NGỌC	P3	33	1	6		75	DK9	Vietnamese
20	PHẠM MINH VŨ	P11	58-59	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
21	CAO MINH CƯỜNG	P11	55	1	9		93	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH TUNG	P11	56-57	2	20	15	78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	19	24	153	1.432	30	16		
2	P11	3	5	48	252	15	0		
TOTAL		22	29	201	1.684	45	16		
WEIGHT KG				201	1.684	45			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN